TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59** /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2024
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Ngọc Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Trần Đức Lưu**

2. **Ông Nguyễn Trọng Điệp**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 789/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024.

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1993; ĐKHKTT: Số 144H Ngõ 71 phố T, quận B, thành phố H; Nơi ở: Xóm 4 xã H, huyện Đ, thành phố H. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Đăng T, sinh năm 1991; ĐKHKTT và nơi ở: Số 144H Ngõ 71 phố T, quận B, thành phố H. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, chị Vũ Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T kết hôn vào ngày 12 tháng 5 năm 2014 tại UBND phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị T đã đưa hai con chung về nhà mẹ đẻ sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T có 02 con chung là: Lê Quang M, sinh ngày 21/5/2014 và Lê Minh A, sinh ngày 28/5/2015. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung vì hiện nay chị vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nhà ở: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lê Đăng T trình bày:

Về tình cảm: Anh Lê Đăng T và chị Vũ Thị T kết hôn vào ngày 12 tháng 5 năm 2014 tại UBND phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn và cho anh được vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Anh Lê Đăng T và chị Vũ Thị T có 02 con chung là: Lê Quang M, sinh ngày 21/5/2014 và Lê Minh A, sinh ngày 28/5/2015. Anh T đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nhà ở: Anh Lê Đăng T và chị Vũ Thị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Anh Lê Đăng T và chị Vũ Thị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành ghi ý kiến của ông Lê Đăng V – Bố đẻ của anh Lê Đăng T. Ông Vọng cung cấp thông tin liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T như sau: Anh Lê Đăng T và chị Vũ Thị T đã xảy ra mâu thuẫn và chị T đưa hai con về nhà mẹ đẻ chị T sinh sống khoảng ba năm nay. Việc chị T xin ly hôn với anh T đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Vũ Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đăng T. Chị T giữ nguyên các yêu cầu về con chung, về tài sản chung và nhà ở chung, về nợ chung như đã trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Đăng T đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh T đã có ý kiến đề nghị Tòa án không hòa giải, cho anh chị được ly hôn và cho anh được vắng mặt tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng theo Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Đối với đương sự, Nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Điều 234 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T. Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Lê Đăng T. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T về việc nuôi con chung: Giao con chung Lê Quang M, sinh ngày 21/5/2014 và Lê Minh A, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải đóng góp tiền nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Lê Đăng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại và nơi ở: Số 144H Ngõ 71 phố T, quận B, thành phố H. Vì vậy, Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chung sống chị T khẳng định vợ chồng xảy ra nhiều mẫu, nguyên nhân là do bất đồng về quan

điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn của chị T và anh T đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ. Anh T, chị T đều xác nhận anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng chung thủy thương yêu nhau, tôn trọng danh dự và uy tín cho nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Rõ ràng cuộc hôn nhân của chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T không đạt được mục đích đó. Chị T và anh T đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài từ năm 2017 đến nay. Hiện tại, chị T, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, chị T làm đơn xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị T.

Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T có 02 con chung là: Lê Quang M, sinh ngày 21/5/2014 và Lê Minh A, sinh ngày 28/5/2015. Chị T anh T thống nhất để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí sơ thẩm.

Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 228; Điều 267; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 71; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị T. Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Lê Đăng T.

2**.** Về con chung: Giao hai con chung là Lê Quang M, sinh ngày 21/5/2014 và Lê Minh A, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Đăng T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Đăng T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nhà ở chung: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4.Về khoản nợ: Chị Vũ Thị T và anh Lê Đăng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004733 ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Vũ Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Đăng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Chi cục THADS quận Ba Đình, TP HN;*
- *UBND phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hả s¬ vô ¸n.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Ngọc Liên